TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Thụy

2. Bà Phan Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 500/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 519/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Vĩnh H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số X, tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc H1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số V, tổ A, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Trương Vĩnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H1 tự nguyện tìm hiểu sau đó đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78/2011 ngày 04/4/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông H và bà H1 bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà H1 không quan tâm cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vả, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông đã nhiều lần cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông nhận thấy vợ chồng sống với nhau không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H1.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trương Ngọc Minh T sinh ngày 21/02/2011 và Trương Lê M sinh ngày 06/02/2014. Ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc H1: Trong quá trình tố tụng không có văn bản trình bày ý kiến, tại phiên tòa bà đề nghị được đoàn tụ và hứa sẽ quan tâm gia đình và thay đổi để cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn của ông H và bà H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận ông H được ly hôn với bà H1, ông H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông H và bà H1 là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự đối với vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên phải tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp. Tòa án đã tiến hành biện pháp lấy lời khai làm rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Hôn nhân giữa ông H và bà H1 xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H1, căn cứ để ông yêu cầu do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hiện đã ly thân. Trong cuộc sống vợ chồng, hàng ngày thường xuyên mâu thuẫn cãi vả, bà H1 cũng nhiều lần thách thức nộp đơn ly hôn với ông H, trong quá trình tố tụng Tòa án tiến hành hòa giải nhưng bà H1 không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải, tại phiên tòa bà H1 xin lỗi ông H và hứa sửa chữa nhưng ông H không đồng ý, kiên quyết yêu cầu được ly hôn vì mâu thuẫn đã diễn ra một thời gian dài, đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn. Do đó, đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trương Ngọc Minh T sinh ngày 21/02/2011 và Trương Lê M sinh ngày 06/02/2014. Ông H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, bà H1 trình bày hiện nay bà không có nghề nghiệp ổn định nên không đảm bảo thu nhập nuôi hai con, các cháu từ trước đến nay do ông bà nội chu cấp chi phí hàng tháng, bà thống nhất để hai con chung sống với ông H, hai con chung cũng có nguyện vọng sống với ông H, để tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu cần tiếp tục để ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông H không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông H có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Vĩnh H. Ông Trương Vĩnh H được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2011 ngày 04/4/2011 do UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng:

Có 02 con chung tên Trương Ngọc Minh T sinh ngày 21/02/2011 và Trương Lê M sinh ngày 06/02/2014. Sau khi ly hôn, ông H được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung. Bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông H không yêu cầu.

Ông H phải tạo điều kiện cho bà H1 trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Bà H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con chung không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông H có trách nhiệm nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001072 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

[5] Về quyền kháng cáo:

Ông H, bà H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án*)

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt